

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN**

# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-25

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần An Trường An.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Khai thác Titan; khai thác, chế biến đá; khai thác quặng sắt; chế biến sâu các sản phẩm từ quặng Titan, quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại;  
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

**Tên tiếng Anh:** AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ATA JSC.

**Mã chứng khoán:** ATG.

**Trụ sở chính:** Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**Văn phòng giao dịch:** Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Thiên Hà	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Thái Thiện Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Võ Quý Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Nguyễn Hữu Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Nguyễn Anh Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Trương Đình Xuân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)
Bà	Trần Thị Mai Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Trương Ngọc Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)

#### Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 03/11/2022)
Ông	Đỗ Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Bà	Phan Bích Ngà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Lê Đình Kính	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Huỳnh Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)
Ông	Ngô Thanh Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán**

Ông	Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc (bỏ nhiệm ngày 07/11/2022)
Bà	Trần Thị Mai Xuân	Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 07/11/2022)
Ông	Nguyễn Thanh Tùng	Phụ trách kế toán (bỏ nhiệm ngày 06/01/2023)
Bà	Trương Thanh Lệ	Phụ trách kế toán (miễn nhiệm ngày 06/01/2023)

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính**

Ông	Trần Thiên Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 15/11/2022)
Ông	Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc (từ ngày 15/11/2022)
Bà	Trần Thị Mai Xuân	Tổng Giám Đốc (trước ngày 15/11/2022)

**4. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (Moore AISC) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



.....  
**Võ Quý Lâm**

**Tổng Giám đốc**

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: A0622398-R/MOORE AISC-DN5

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận bằng hình thức phúc đáp trực tiếp cho chúng tôi về số dư các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác và phải trả người bán liên quan đến các đối tượng được xóa nợ và bù trừ công nợ tại ngày 31/12/2022. Đồng thời, Chúng tôi cũng không được cung cấp các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc Công ty ghi nhận các bút toán xóa các khoản nợ phải thu; các khoản trả trước cho người bán; các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng và các hồ sơ bù trừ công nợ phải người bán của Công ty. Do đó, Chúng tôi không thể xác định tính chính xác, tính đầy đủ, tính hiện hữu, các quyền và nghĩa vụ đối với các số dư tại ngày 31/12/2022 và việc ghi nhận xóa nợ, bù trừ công nợ của Công ty. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Cụ thể:



**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)**

<b>Khoản mục</b>	<b>Mục thuyết minh</b>	<b>Giá trị ghi sổ xóa nợ/bù trừ công nợ trong năm 2022 (VND)</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	16.595.518.636
Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	327.000.000
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác	V.4	113.995.151.700
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.2,3,4	(50.312.633.659)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	V.7	10.303.026.500
Phải trả ngắn hạn khác	V.9	254.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	1.200.000.000

- Tại thuyết minh V.5\_Tài sản dở dang dài hạn; V.6\_Tài sản cố định hữu hình và V.8\_Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Công ty đã điều chỉnh giảm toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại dự án Thủy Sơn Trang có giá trị ghi sổ là 36.870.197.869 VND, điều chỉnh giảm toàn bộ nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giá trị hao mòn lũy kế với giá trị ghi sổ lần lượt là 4.005.171.397 VND, 2.867.977.194 VND, điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp có giá trị ghi trên sổ sách là 115.102.693 VND. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc điều chỉnh giảm các khoản như trên. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.5, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) chỉ còn lại 64.642.695 VND. Công ty phát sinh lỗ trong năm 2022 và lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 123.365.929.077 VND và 157.806.229.962 VND. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 909.162.114 VND. Hoạt động chính của công ty là thương mại. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mới được khôi phục không đáng kể do công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng mới để phục hồi và phát triển Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty có đánh giá liên quan đến khả năng hoạt động liên tục được trình bày tại VIII.5 trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Ban Tổng Giám đốc còn phụ thuộc vào việc huy động các nguồn đầu tư từ Cổ đông, Ngân hàng, các đối tác và sự thành công trong việc khôi phục hoạt động kinh doanh của Công ty, khả năng tạo tiền để duy trì các nhu cầu hoạt động bình thường. Thực tế cho thấy việc tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra bất kỳ ý kiến kiểm toán nào về báo cáo tài chính đính kèm.



.....  
**Lê Hùng Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

.....  
**Đỗ Thị Hằng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4226-2023-005-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.834.817.735</b>	<b>77.516.188.036</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.254.695</b>	<b>920.416.809</b>
1. Tiền	111		11.254.695	920.416.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.823.563.040</b>	<b>76.319.237.250</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.823.563.040	16.595.518.636
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	427.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	-	93.199.352.273
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2,3,4	-	(33.902.633.659)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>276.533.977</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	276.533.977
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		-	<b>57.896.084.712</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>20.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	-	20.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>1.025.886.843</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	1.025.886.843
- Nguyên giá	222		-	4.005.171.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(2.979.284.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.5	-	<b>36.870.197.869</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	36.870.197.869
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.834.817.735</b>	<b>135.412.272.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.770.175.040</b>	<b>11.981.700.976</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.770.175.040</b>	<b>11.981.700.976</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	5.765.904.000	10.303.026.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	4.271.040	224.674.476
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	-	254.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	-	1.200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.11</b>	<b>64.642.695</b>	<b>123.430.571.772</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>64.642.695</b>	<b>123.430.571.772</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.872.657	5.670.872.657
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(157.806.229.962)	(34.440.300.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(34.440.300.885)	(37.262.734.581)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(123.365.929.077)	2.822.433.696
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.834.817.735</b>	<b>135.412.272.748</b>

Tùng



Nguyễn Thanh Tùng  
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Võ Quý Lâm  
Tổng Giám đốc

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.392.188.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.392.188.000	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.338.800.000	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>53.388.000</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	606.073	7.635.984
7. Chi phí tài chính	22		-	158.550
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	16.735.276.120	4.238.450.565
<b>10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(16.681.282.047)</b>	<b>(4.230.973.131)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	115.102.693	7.128.547.613
12. Chi phí khác	32	VI.6	106.799.749.723	75.140.786
<b>13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(106.684.647.030)</b>	<b>7.053.406.827</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(123.365.929.077)</b>	<b>2.822.433.696</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(123.365.929.077)</b>	<b>2.822.433.696</b>
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(8.106)	185
19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(8.106)	185

Tung



Nguyễn Thanh Tùng

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Võ Quý Lâm

Tổng Giám đốc

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>(123.365.929.077)</b>	<b>2.822.433.696</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	(111.307.360)	133.568.834
- Các khoản dự phòng	03		16.410.000.000	3.791.831.500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(107.067.236.437)</b>	<b>6.747.834.030</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		112.369.600.259	(15.499.000.000)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(6.211.525.936)	(8.226.788.027)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(3.000.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(177.088.943)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(909.162.114)</b>	<b>(20.155.042.940)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	30.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.3	-	11.008.970.143
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.4	-	(20.008.970.143)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(9.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(909.162.114)</b>	<b>844.957.060</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>920.416.809</b>	<b>75.459.749</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.254.695</b>	<b>920.416.809</b>

Nguyễn Thanh Tùng

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Võ Quý Lâm

Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**Tên tiếng Anh:** AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ATA JSC.

**Mã chứng khoán:** ATG.

**Trụ sở chính:** Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**Văn phòng giao dịch:** Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác Titan; khai thác, chế biến đá; khai thác quặng sắt; chế biến sâu các sản phẩm từ quặng Titan, quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm 2022, Công ty tiến hành xóa các khoản nợ phải thu, giảm tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn, bù trừ và xóa các khoản nợ phải trả. Việc này ảnh hưởng nhiều đến số liệu trên báo cáo tài chính năm nay.

Công ty có hoạt động chính là thương mại. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mới được khôi phục không đáng kể do Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng mới để phục hồi và phát triển Công ty.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:** 05 nhân viên. (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7 nhân viên).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****3.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	22 năm
Máy móc, thiết bị	10 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5. Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**6. Các khoản vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**7. Chi phí đi vay**

**Chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**8. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong năm; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng tại Công ty là 20%.

**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**14. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**15. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**16. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
<b>Tiền</b>	<b>11.254.695</b>	<b>920.416.809</b>
Tiền mặt	-	65.799.427
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.254.695	854.617.382
<b>Cộng</b>	<b>11.254.695</b>	<b>920.416.809</b>

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam (*)	-	-	2.042.861.136	(2.042.861.136)
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân (*)	-	-	14.552.657.500	(10.186.860.250)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hòa Bình (**)	5.823.563.040	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.823.563.040</b>	<b>-</b>	<b>16.595.518.636</b>	<b>(12.229.721.386)</b>

(\*) Giảm khoản phải thu Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam và Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân do không thu hồi được.

(\*\*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bán tấm đá ốp lát, với tổng doanh thu là 5.392.188.000 VND.

3. Trả trước cho người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An (*)	-	-	200.000.000	(200.000.000)
Các nhà cung cấp khác (*)	-	-	227.000.000	(127.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>427.000.000</b>	<b>(327.000.000)</b>

(\*) Giảm khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An và các nhà cung cấp khác do không thể yêu cầu thực hiện tiếp hợp đồng và cũng không thể thu hồi được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

4. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-	93.199.352.273	(21.345.912.273)
Ký cược, ký quỹ (*)	-	-	330.740.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân (bên liên quan) (*)	-	-	18.259.612.273	(18.259.612.273)
Công ty TNHH Đầu tư XD và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ (bên liên quan) (*)	-	-	3.000.000.000	(2.100.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư XD và Kinh doanh Kết cấu Hạ Tầng KCN Sơn Mỹ (bên liên quan) (*)	-	-	47.500.000.000	-
Ông Lê Văn Huyền (*)	-	-	7.200.000.000	-
Ông Trương Ngọc Thanh (bên liên quan) (*)	-	-	15.500.000.000	-
Tạm ứng Ông Trương Đình Xuân (bên liên quan) (*)	-	-	1.409.000.000	(986.300.000)
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	20.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ mượn (bên liên quan) (*)	-	-	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>113.199.352.273</b>	<b>(21.345.912.273)</b>

(\*) Giảm các khoản phải thu do không thể thu hồi.

5. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Dự án Thủy Sơn Trang (*)	-	-	36.870.197.869	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>36.870.197.869</b>	-

(\*) Công ty đã điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị khoản đầu tư dự án Thủy Sơn Trang do xác định dự án không thực hiện trong nhiều năm và bị thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.971.000.000	1.034.171.397	4.005.171.397
Giảm do bàn giao lại tổ chức khác tại ngày 31/10/2022	(2.971.000.000)	-	(2.971.000.000)
Giảm do hư hỏng	-	(1.034.171.397)	(1.034.171.397)
Số dư cuối năm	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.945.113.157	1.034.171.397	2.979.284.554
Khấu hao trong năm	111.307.360	-	111.307.360
Giảm do bàn giao lại tổ chức khác tại ngày 31/10/2022	(2.056.420.517)	-	(2.056.420.517)
Giảm do hư hỏng	-	(1.034.171.397)	(1.034.171.397)
Số dư cuối năm	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.025.886.843	-	1.025.886.843
Số dư cuối năm	-	-	-

**7. Phải trả người bán**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tường Thọ (* )	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH TM và DV Hoàng Nhân Hiếu (* )	-	-	8.303.026.500	8.303.026.500
Công ty Cổ phần Đá thạch anh Khang Minh	5.765.904.000	5.765.904.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.765.904.000</b>	<b>5.765.904.000</b>	<b>10.303.026.500</b>	<b>10.303.026.500</b>

(\* ) Bù trừ với công nợ phải thu ông Trương Đình Xuân.

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Phải nộp	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số được giảm trong năm	31/12/2022
	Thuế giá trị gia tăng	109.571.783	-	105.300.743
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.102.693	-	115.102.693	-
<b>Cộng</b>	<b>224.674.476</b>	<b>-</b>	<b>220.403.436</b>	<b>4.271.040</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

9. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (*)	-	254.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>254.000.000</b>

(\*) Bù trừ công nợ với phải thu ông Trương Đình Xuân

10. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Ông Nguyễn Văn Trọng	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(\*) Bù trừ công nợ với phải thu ông Trương Đình Xuân.

**11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm 2021</b>				
Số dư đầu năm	152.200.000.000	5.670.872.657	(37.262.734.581)	135.053.638.734
Lỗ trong năm	-	-	2.822.433.696	2.822.433.696
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.200.000.000</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>(34.440.300.885)</b>	<b>123.430.571.772</b>
<b>Năm 2022</b>				
Số dư đầu năm	152.200.000.000	5.670.872.657	(34.440.300.885)	123.430.571.772
Lỗ trong năm	-	-	(123.365.929.077)	(123.365.929.077)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.200.000.000</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>(157.806.229.962)</b>	<b>64.642.695</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.220.000	15.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**11. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>c. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Quỹ đầu tư phát triển	5.670.872.657	5.670.872.657
<b>Cộng</b>	<b>5.670.872.657</b>	<b>5.670.872.657</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Doanh thu bán hàng hóa	5.392.188.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.392.188.000</b>	<b>-</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.338.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.338.800.000</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Lãi tiền gửi	606.073	7.635.984
<b>Cộng</b>	<b>606.073</b>	<b>7.635.984</b>
<b>4. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.307.360	133.568.834
Thuế, phí, lệ phí	-	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	16.410.000.000	3.791.831.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.968.760	275.000.000
Chi phí bằng tiền khác	-	35.050.231
<b>Cộng</b>	<b>16.735.276.120</b>	<b>4.238.450.565</b>
<b>5. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Chi phí lãi vay được ngân hàng xóa nợ	-	7.128.547.613
Thu nhập khác	115.102.693	-
<b>Cộng</b>	<b>115.102.693</b>	<b>7.128.547.613</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

	Năm 2022	Năm 2021
<b>6. Chi phí khác</b>		
Giảm khoản đầu tư vào dự án Thủy Sơn Trang	36.870.197.869	-
Giảm các khoản phải thu	68.517.270.177	-
Giảm tài sản cố định	914.579.483	-
Các khoản bị phạt	-	70.000.000
Các khoản khác	497.702.194	5.140.786
<b>Cộng</b>	<b>106.799.749.723</b>	<b>75.140.786</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.307.360	133.568.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.968.760	275.000.000
Chi phí khác bằng tiền	-	35.050.231
<b>Cộng</b>	<b>325.276.120</b>	<b>443.619.065</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(123.365.929.077)	2.822.433.696
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(123.365.929.077)	2.822.433.696
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.220.000	15.220.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(8.106)</b>	<b>185</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(8.106)</b>	<b>185</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	11.008.970.143

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	20.008.970.143

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh

Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ

Công ty Con (trước đây)

Trương Đình Xuân

Chủ tịch HĐQT (trước ngày 31/10/2022)

Trương Ngọc Thanh

Thành viên HĐQT (trước ngày 31/10/2022)

Trần Thiên Hà

Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Thái Thiện Quang

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Võ Quý Lâm

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)  
kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07/11/2022)

Nguyễn Hữu Phú

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Nguyễn Anh Thông

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Nguyễn Thị Phương

Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 03/11/2022)

Đỗ Minh Đức

Thành viên kiểm soát (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Phan Bích Ngà

Thành viên kiểm soát (bổ nhiệm ngày 31/10/2022)

Lê Đình Kính

Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)

Huỳnh Thanh Phương

Thành viên kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)

Ngô Thanh Trúc

Thành viên kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31/10/2022)

Trần Thị Mai Xuân

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07/11/2022)

**Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:**

Đối tượng	Nội dung nghiệp vụ	Phát sinh	Số dư cuối năm
			phải thu/(phải trả)
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	Xóa nợ phải thu	18.259.612.273	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng KCN Sơn Mỹ	Xóa nợ phải thu	70.500.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau (tiếp theo)

Đối tượng	Nội dung nghiệp vụ	Phát sinh	Số dư cuối năm phải thu/(phải trả)
	Chuyển tiền tạm ứng	16.295.799.427	
	Bù trừ với vay phải trả	1.200.000.000	
Trương Đình Xuân	Bù trừ với phải trả cho người bán	10.303.026.500	-
	Bù trừ với phải trả khác	254.000.000	
	Xóa nợ phải thu	5.947.772.927	
Trương Ngọc Thanh	Thu hồi khoản phải thu khác	15.500.000.000	

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản lương, thưởng nào.

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Trong năm 2022, Công ty chỉ phát sinh doanh thu cung ứng đá ốp lát tại Hòa Bình nhằm duy trì hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Công ty phát sinh lỗ trong năm 2022 và lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 123.365.929.077 VND và 157.806.229.962 VND. Ngoài ra, trong năm dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm 909.162.114 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn thanh toán. Tổng Giám đốc Công ty đã có những xem xét thận trọng và đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tới cùng với các kế hoạch hoạt động trong tương lai như sau:

- Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng trong các năm tiếp theo;
- Tăng cường tìm kiếm khách hàng và cơ hội đầu tư mới;
- Tìm kiếm các nguồn vay từ các đối tác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Cổ Đông để có dòng tiền hoạt động cho Công ty;
- Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và lựa chọn thời điểm phù hợp;
- Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ phải trả hiện tại.

Do đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tới.



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023



**Võ Quý Lâm**  
Tổng Giám đốc